

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo của Luật Văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích

- Việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến xây dựng dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo luật với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Xem xét, đối chiếu, đánh giá các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 nhằm phát hiện, xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp với thực tế.

- Bảo đảm quán triệt, cụ thể hóa các định hướng lớn của Đảng, nhất là các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực.

- Bảo đảm sự tương thích với các điều ước quốc tế, cam kết quốc tế có liên quan đến quy trình xây dựng, ban hành pháp luật; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về kỹ thuật lập pháp, kiểm soát chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam và yêu cầu hội nhập quốc tế.

b) Yêu cầu

Trong quá trình rà soát, đối chiếu các quy định phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, bảo đảm tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Tiếp tục kế thừa và hoàn thiện các quy định đang còn phù hợp của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

2.1. Phạm vi, đối tượng rà soát

Việc rà soát được thực hiện đối với các văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế còn hiệu lực đến thời điểm rà soát, bao gồm cả văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực, có nội dung liên quan trực tiếp đến dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật, trong đó tập trung vào các quy định về tổ chức thi hành pháp luật, cụ thể như sau:

- Văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng: Đối với văn bản của Đảng, việc rà soát được thực hiện trên cơ sở các nghị quyết, kết luận, quy định, chương trình hành động của Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ và các chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về đổi mới công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi. Kết quả rà soát xác định có 15 văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo Luật

- Văn bản quy phạm pháp luật: việc rà soát được thực hiện trên cơ sở Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, quyết định có liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật, chuyển đổi số và tổ chức bộ máy nhà nước. Kết quả rà soát xác định có 19 văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến nội dung của dự án Luật.

- Điều ước quốc tế: Qua rà soát, chưa có điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên điều chỉnh công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, một số điều ước quốc tế có quy định liên quan đến quy trình xây dựng văn bản, đặc biệt về minh bạch và lấy ý kiến. Vì vậy, dự thảo Luật quy định trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác về thời hạn hoặc hình thức lấy ý kiến thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó để bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế.

Bên cạnh đó, các điều ước như CPTPP và ACIA cũng đặt ra yêu cầu về công khai, minh bạch và khả năng tiếp cận pháp luật. Dự thảo Luật đã được rà soát, bảo đảm thống nhất, tương thích với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.2. Nội dung rà soát

Nội dung rà soát tập trung vào mức độ phù hợp và thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của các quy định dự kiến trong dự án Luật với hệ thống pháp luật hiện hành; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; đồng thời xác định các quy định hiện hành cần kế thừa, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi dự án Luật được ban hành.

Đối với phần tổ chức thi hành pháp luật, việc rà soát tập trung vào các quy định về nội dung và quy trình tổ chức thi hành VBQPPL; giải thích, hướng dẫn áp dụng; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; theo dõi thi hành; kiểm tra việc tổ chức thi hành; kiểm tra, rà soát VBQPPL; đánh giá hiệu quả VBQPPL sau ban hành; phản ứng chính sách; quản lý, kết nối và sử dụng dữ liệu; sử dụng kết quả tổ chức thi hành trong xây dựng, hoàn thiện VBQPPL; trách nhiệm của các cơ quan và điều kiện bảo đảm tổ chức thi hành.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Luật

- Tổng số văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo Luật được rà soát: 15 văn bản.

Thời gian qua, Đảng đã ban hành nhiều văn bản quan trọng định hướng đổi mới công tác xây dựng pháp luật: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, đặc biệt là Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV; Nghị quyết số 27-TW/NQ ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; Kết luận số 226-KL/TW ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Chương trình số 12-CTr/BCĐ ngày 30/12/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật ban

hành Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo; Chương trình số 04-CTr/BCĐ ngày 06/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật đặt ra nhiệm vụ chỉ đạo giải pháp tạo đột phá trong công tác tổ chức thi hành pháp luật, thúc đẩy xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật; Chương trình hành động số 32-CTr/TW yêu cầu thực hiện đồng bộ các chủ trương về xây dựng, thi hành pháp luật, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể; Nghị quyết số 140/NQ-CP xác định nhiệm vụ tạo đột phá trong thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả và gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng với thi hành pháp luật; Nghị quyết số 109/NQ-CP đặt ra yêu cầu đo lường chất lượng thực thi pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương dựa trên mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp; đổi mới truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật và tăng cường xây dựng văn hóa tuân thủ; Các phát biểu, kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI; cuộc làm việc về sơ kết mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp; Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật; Phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đều nhấn mạnh yêu cầu lấy hiệu quả thực thi, năng lực thực thi và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo; gắn thẩm quyền với trách nhiệm, nguồn lực, dữ liệu, công cụ, năng lực cán bộ và kiểm soát; xây dựng pháp luật trên cơ sở tổng kết thực tiễn và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành; Thông báo số 108-TB/VPTW yêu cầu đổi mới phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng văn hóa tuân thủ; thường xuyên đánh giá hiệu quả pháp luật sau ban hành; ứng dụng công nghệ để chủ động phát hiện, tháo gỡ các điểm nghẽn; hoàn thiện quy định về giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật; đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng và thi hành pháp luật; Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư; Chương trình số 12-CTr/BCĐ ngày 30/12/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới tiếp tục định hướng hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật theo thứ bậc, làm rõ giá trị các nguồn bổ trợ và nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật chuyên ngành khi có xung đột.

Qua rà soát, các nội dung của dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật đã phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, đã bước đầu thể chế hóa các yêu cầu đổi mới về quy trình lập pháp, kiểm soát chất lượng văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu đổi mới quy trình xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

- Các điều, khoản của Hiến pháp liên quan đến dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát và đánh giá tính hợp hiến.

- Tổng số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Luật được rà soát: 19 văn bản. Bao gồm: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15; Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14 (sửa đổi bởi Luật số 62/2025/QH15); Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 quy định thẩm quyền và hoạt động giám sát việc thi hành pháp luật, giám sát VBQPPL của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15; Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 (sửa đổi bởi Luật số 137/2025/QH15); Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15; Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15; Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 (ngày 24/6/2025); Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật số 01/2012/UBTVQH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16; Pháp lệnh Pháp điển hệ thống văn bản quy phạm pháp luật số 03/2012/UBTVQH13; Nghị quyết số 197/2025/QH15 thiết lập các cơ chế đặc thù về nguồn lực, kinh phí và điều kiện phục vụ công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định cụ thể thẩm quyền, nội dung, trình tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Nghị định số 80/2025/NĐ-CP là văn bản trực tiếp quy định về theo dõi việc thi hành VBQPPL, phương thức thu thập thông tin, xử lý kết quả và kiểm tra công tác tổ chức thi hành; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc biệt về nguồn lực cho xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Quyết định số 48/2025/QĐ-TTg thiết lập quy trình tiếp nhận, kiểm tra, phân loại, chuyển xử lý và theo dõi phản ánh, kiến nghị; tổ chức, cá nhân có thể gửi PAKN qua Hệ thống thông tin và kết quả được xử lý theo trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền; Quyết định số 50/2025/QĐ-TTg về tự kiểm tra văn bản QPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc liên tịch ban hành.

- Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung của dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật đã thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được

ban hành. Các nội dung của dự thảo Luật được xây dựng bảo đảm tính thống nhất theo Hiến pháp và các văn bản luật có liên quan khác. Kết quả rà soát, đánh giá cho thấy không có điều, khoản nào mâu thuẫn với Hiến pháp; không mâu thuẫn với các văn bản luật có liên quan; bám sát và thể chế hóa toàn diện các quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại trong kỷ nguyên mới.

- Dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật tập trung bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp với thực tiễn; xác định rõ thứ bậc và nguyên tắc áp dụng pháp luật. Đồng thời, đơn giản hóa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tinh gọn thẩm quyền ban hành của các chủ thể; phát huy vai trò của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ trong việc kịp thời xử lý các vướng mắc pháp lý, tạo động lực phát triển kinh tế. Dự thảo cũng tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng văn bản theo hướng chuyên nghiệp, khoa học, hiệu quả và linh hoạt, đồng thời hoàn thiện quy định về tổ chức thi hành, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thực thi pháp luật.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

Qua rà soát cho thấy, hiện chưa có điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên điều chỉnh về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, một số điều ước quốc tế có quy định liên quan đến một số nội dung cụ thể trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể, tại dự thảo Luật quy định: *“Đăng tải hồ sơ ... trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác...”*.

Trong khi đó, Điều 26.2.4 Hiệp định TPP (nay là (CPTPP) quy định: *“4. Đối với một quy định được đề xuất áp dụng chung của cấp trung ương của chính phủ một Bên liên quan tới các vấn đề thuộc phạm vi Hiệp định này có khả năng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các Bên và được công bố theo quy định tại khoản 2 (a), mỗi Bên cần:*

(a) công khai các quy định được đề xuất trên một tạp chí chính thức, hoặc trên một trang web chính thức, tốt nhất là trực tuyến và hợp nhất thành một cổng duy nhất;

(b) cố gắng công khai các quy định được đề xuất:

(i) không ít hơn 60 ngày trước ngày các ý kiến được xác định; hoặc...”

Như vậy, dự thảo Luật tiếp tục quy định: trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng có nội dung liên quan đến điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xác định thời hạn lấy ý kiến phù hợp với quy định của điều ước quốc tế đó, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế có liên quan.

Ngoài ra, một số điều ước quốc tế có quy định liên quan gián tiếp đến các nguyên tắc trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, như Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) quy định tại Điều 21 về “minh bạch hóa” và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) quy định tại Chương 26 về “minh bạch hóa và chống tham nhũng”, trong đó có các yêu cầu liên quan đến tính công khai, minh bạch và khả năng tiếp cận pháp luật.

Các nội dung dự thảo Luật đã được rà soát, bảo đảm tính thống nhất, tương thích với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trên cơ sở đó, các nội dung của dự thảo Luật đã được rà soát nhằm bảo đảm tính thống nhất, tương thích với các cam kết quốc tế của Việt Nam, đồng thời không cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Phụ lục: Nội dung rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo.

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, CTXDVBQPPL

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Oanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

(Kèm theo Báo cáo số 717/BC-BTP ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Bộ Tư pháp)

I. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, đặc biệt là Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng			
Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật Điều 6. Phản biện xã hội, tham vấn, góp ý đối với chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật Điều 19. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp tỉnh Điều 20. Văn bản quy phạm	- Nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách “ <i>Xây dựng và triển khai Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới</i> ”. - <i>Xây dựng và thực hiện các cơ chế để bảo đảm phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trong xây dựng luật pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với Nhân dân và kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương,

<p>pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cấp xã</p> <p>Điều 65. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh</p> <p>Điều 66. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 78. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>và Nhân dân nơi cư trú.</p> <p>- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp địa phương theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền.</p> <p>- Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, chú trọng công tác giải thích pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật, bảo đảm việc hiểu, áp dụng pháp luật một cách thống nhất... tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.</p>		<p>đường lối của Đảng.</p>
<p>2. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV</p>			
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 11. Luật</p> <p>Điều 14. Nghị định</p> <p>Điều 19. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp tỉnh</p> <p>Điều 20. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cấp xã</p>	<p>Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.</p> <p>- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng nền</p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương,</p>

<p>Điều 21. Văn bản quy phạm pháp luật quy định thí điểm cơ chế, chính sách</p> <p>Điều 77. Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 78. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân.</i></p> <p>- Trong nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng cần tập trung vào những nội dung then chốt sau đây: “<i>Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương; thúc đẩy đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ, kiến tạo phát triển; phát triển kinh tế nhà nước thật sự đóng vai trò chủ đạo, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp mới; phát triển lực lượng sản xuất mới, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới.</i>”</p>		<p>đường lối của Đảng.</p>
<p>3. Nghị quyết số 27-TW/NQ ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới</p>			
<p>Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 11. Luật</p> <p>Điều 12. Pháp lệnh</p> <p>Điều 49. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban</p>	<p>- <i>Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Quy định rõ hơn quy trình xây dựng chính sách, phân định rõ quy trình lập pháp và quy trình xây dựng văn bản dưới luật. Phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, đặc biệt là Chính phủ trong quy trình lập pháp.</i></p> <p>- <i>Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp,</i></p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục</p>

<p>hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>Điều 51. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 52. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt</p> <p>Điều 68. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 75. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 76. Nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật</p> <p>Điều 77. Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>tư pháp dưới sự giám sát của Nhân dân.</i></p> <p><i>- Bảo đảm đồng bộ, kịp thời trong xây dựng chính sách, pháp luật giữa Quốc hội với Chính phủ, giữa các bộ, giữa Trung ương và địa phương. Đa dạng hóa nguồn pháp luật, đề cao và coi trọng đạo luật, đơn giản hóa, giảm tầng nấc, loại hình văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định đúng, rõ các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất sử dụng hình thức pháp lệnh để ban hành quy phạm pháp luật; luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Tăng cường xây dựng các đạo luật có nội dung cụ thể, hiệu lực trực tiếp; khắc phục tình trạng luật thiếu tính ổn định, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, "lợi ích nhóm" trong công tác xây dựng pháp luật.</i></p> <p><i>- Bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa; thể chế hóa kịp thời, đầy đủ và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng; lấy con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.</i></p> <p><i>- Phát triển nguồn nhân lực pháp luật, hiện đại hóa phương thức, phương tiện xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp</i></p>	<p>thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng.</p>
---	--	---

	<p>luật. <i>Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác pháp luật; nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Phát triển khoa học pháp lý, nâng cao chất lượng các cơ sở nghiên cứu và đào tạo pháp luật. Có cơ chế thích hợp bảo đảm và tăng cường nguồn lực đầu tư, đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng hiệu quả kinh phí xây dựng và thi hành pháp luật.</i></p> <p>- <i>Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.</i></p> <p>- <i>Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tập trung quản lý phát triển.</i></p> <p>- <i>Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tập trung quản lý phát triển; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân.</i></p>		
4. Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật			
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 28. Đánh giá tác động của chính sách</p> <p>Điều 30. Thẩm định chính sách của luật, pháp lệnh do Chính phủ trình</p>	<p>Điều 3. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật</p> <p>1. <i>Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng trong kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.</i></p> <p>2. <i>Kết hợp đồng bộ, chặt chẽ các cơ chế, biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật; chủ động phòng ngừa là chính; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây</i></p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật</p>

<p>Điều 33. Thẩm định dự án luật, pháp lệnh do Chính phủ trình</p> <p>Điều 36. Thẩm tra dự án</p> <p>Điều 75. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>dựng pháp luật; bảo vệ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.</i></p> <p><i>3. Đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.</i></p> <p><i>4. Bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật; không làm cản trở sự chủ động, sáng tạo, công khai, minh bạch, dân chủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi trong công tác xây dựng pháp luật.</i></p> <p><i>5. Bảo đảm sự giám sát, phản biện, tham gia xây dựng pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, cơ quan báo chí, tổ chức xã hội khác và Nhân dân theo quy định.</i></p>		<p>để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng.</p>
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 28 Đánh giá tác động của chính sách</p> <p>Điều 30. Thẩm định chính sách của luật, pháp lệnh do Chính phủ trình</p> <p>Điều 33. Thẩm định dự án luật, pháp lệnh do Chính phủ trình</p> <p>Điều 36. Thẩm tra dự án</p> <p>Điều 75. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành</p>	<p>Điều 9. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật</p> <p><i>Ngoài việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 8 của Quy định này, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật còn phải thực hiện:</i></p> <p><i>1. Lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện quy định tại Điều 7 của Quy định này.</i></p> <p><i>2. Thực hiện trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định của Đảng, chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác xây dựng pháp luật.</i></p> <p>Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật</p> <p><i>1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật</i></p> <p><i>a) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức,</i></p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	

<p>và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>người có thẩm quyền ban hành văn bản về tiến độ trình và chất lượng dự án, dự thảo văn bản.</i></p> <p><i>b) Ban soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo về tiến độ, chất lượng dự án, dự thảo văn bản.</i></p> <p><i>c) Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình hoặc cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền ban hành văn bản về tiến độ soạn thảo; việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia trong quá trình chỉnh lý văn bản; chất lượng dự án, dự thảo văn bản được phân công soạn thảo.</i></p> <p><i>d) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đề nghị, kiến nghị xây dựng pháp luật chịu trách nhiệm về nội dung đề nghị, kiến nghị của mình. Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền được đề nghị tham gia góp ý kiến, phản biện xã hội về đề nghị xây dựng pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm về nội dung và thời hạn tham gia góp ý kiến, phản biện xã hội.</i></p> <p><i>đ) Cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thời hạn, kết quả thẩm định đề nghị, kiến nghị xây dựng pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.</i></p> <p><i>e) Cơ quan chủ trì thẩm tra chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền ban hành văn bản về thời hạn, kết quả thẩm tra đề nghị, kiến nghị xây dựng pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; cơ quan tham gia thẩm tra chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền ban hành văn bản về thời hạn, kết quả tham gia thẩm tra đề nghị, kiến nghị xây dựng pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực mà cơ quan mình phụ trách.</i></p> <p><i>g) Cơ quan, tổ chức chủ trì, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia tiếp thu, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm trước cơ</i></p>		
---	--	--	--

	<p>quan, tổ chức, người có thẩm quyền ban hành văn bản về nội dung tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>h) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thông qua, điều chỉnh chương trình xây dựng pháp luật, ban hành văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng văn bản do mình ban hành.</p> <p>2. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác xây dựng pháp luật:</p> <p>a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác xây dựng pháp luật.</p> <p>b) Chỉ đạo báo cáo kịp thời, đầy đủ, trung thực cho cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với những nội dung quan trọng, những vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và phương án, quan điểm xử lý.</p> <p>c) Chỉ đạo tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác xây dựng pháp luật.</p> <p>d) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật. Xử lý các trường hợp xung đột lợi ích trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định. Kịp thời phát hiện, nhắc nhở, chấn chỉnh, báo cáo và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.</p> <p>đ) Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền; khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật hoặc có lợi ích nhóm, cục bộ, tham nhũng, tiêu cực thì phải kịp thời chỉ đạo, xem xét, làm rõ, đình chỉ hoặc đề nghị đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân đã ban hành văn bản.</p> <p>e) Chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra hành vi tham nhũng, tiêu</p>		
--	--	--	--

	<p>cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ; chịu trách nhiệm liên đới trong trường hợp đã giao cấp phó của mình chịu trách nhiệm trực tiếp phụ trách công tác xây dựng pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 16 của Quy định này.</p> <p>g) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm về việc không hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Khoản 1, Điều này.</p> <p>Điều 4. Phương thức kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật</p> <p>2. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật bao gồm:</p> <p>e) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác xây dựng pháp luật; xây dựng tổ chức bộ máy, bố trí kinh phí phù hợp cho công tác xây dựng pháp luật.</p>		
5. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 10. Gửi, lưu trữ văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 11. Luật</p> <p>Điều 12. Pháp lệnh</p> <p>Điều 14. Nghị định</p> <p>Điều 21. Văn bản quy phạm pháp luật quy định thí điểm cơ chế, chính sách</p>	<p>- Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy "không quản được thì cấm";</p> <p>- “Làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu”, đặt mục tiêu “Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản phẩm dịch vụ dữ liệu.</p> <p>- Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm</p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ</p>

<p>Điều 78. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 77. Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.</i></p> <p><i>- Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.</i></p>		<p>trương, đường lối của Đảng.</p>
<p>6. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới</p>			
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Chương VIII: Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>- Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh.</i></p> <p><i>- Bảo đảm quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; phân định rõ quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn thảo văn bản; từng bước thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp.</i></p> <p><i>- Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.</i></p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng.</p>

7. Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật			
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 12. Pháp lệnh</p> <p>Điều 14. Nghị định</p> <p>Điều 22. Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội</p> <p>Điều 23. Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội</p> <p>Điều 24. Thông qua Chương trình lập pháp hằng năm</p> <p>Điều 25. Điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm</p> <p>Điều 65. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh</p> <p>Điều 66. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>- Đổi mới mạnh mẽ việc xây dựng Chương trình lập pháp của Quốc hội theo hướng vừa có chiến lược, định hướng dài hạn, vừa có chương trình hằng năm linh hoạt, bám sát thực tiễn cuộc sống. Xây dựng Định hướng chương trình lập pháp cho mỗi nhiệm kỳ Quốc hội trình Bộ Chính trị xem xét quyết định, trên cơ sở đó lập Chương trình lập pháp hằng năm. Chuyển thẩm quyền quyết định Chương trình lập pháp hằng năm từ Quốc hội sang Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giảm tối đa thời gian, đơn giản hóa thủ tục trong việc lập, điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm; tách quy trình xây dựng chính sách ra khỏi việc lập Chương trình lập pháp. Hoàn thiện cơ chế “một luật sửa nhiều luật” để kịp thời sửa đổi, khắc phục ngay các quy định sơ hở, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.</i></p> <p><i>- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ áp dụng trên thực tế, tiết kiệm thời gian, chi phí, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn, trong đó, cần lưu ý:</i></p> <p><i>+ Hoàn thiện cơ chế Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết và mở rộng thẩm quyền hướng dẫn</i></p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng.</p>

<p>Điều 72. Đánh giá hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 78. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>áp dụng pháp luật của các chủ thể có quyền ban hành văn bản dưới luật theo hướng ban hành nguyên tắc, tiêu chí, cơ sở giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật để bảo đảm sức sống của văn bản quy phạm pháp luật thay vì thường xuyên phải sửa đổi, điều chỉnh.</i></p> <p>+ Gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật. Xây dựng cơ chế thường xuyên đánh giá hiệu quả thực thi của văn bản quy phạm pháp luật sau ban hành để kịp thời nhận diện, xử lý hiệu quả những mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật.</p>		
<p>8. Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"</p>			
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 72. Đánh giá hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Chương VIII: Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành, bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ “tốt trong văn bản” sang “tốt trong cuộc sống”.</i></p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương,</p>

			đường lối của Đảng.
9. Chương trình số 12-CTr/BCĐ ngày 30/12/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo			
<p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 63. Nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 65. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh</p> <p>Chương VIII: Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những định hướng lớn đối với công tác tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; thúc đẩy việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.</i></p> <p><i>- Giao đồng chí Bí thư Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo đồng chí Bí thư Đảng ủy Bộ Tư pháp phối hợp với các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và các cơ quan có liên quan thực hiện nhiệm vụ “Chỉ đạo giải pháp tạo đột phá trong công tác tổ chức thi hành pháp luật, thúc đẩy việc xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật”.</i></p>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng.
10. Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới			
<p>Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 5. Nguyên tắc xây dựng,</p>	<p><i>- Cấu trúc hệ thống pháp luật được xác định theo thứ bậc từ các nguồn luật, bao gồm hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Hiến pháp; văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội và Ủy</i></p>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối	Kế thừa các quy định còn

<p>ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 12. Pháp lệnh</p> <p>Điều 14. Nghị định</p> <p>Điều 21. Văn bản quy phạm pháp luật quy định thí điểm cơ chế, chính sách</p> <p>Điều 49. Trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>Điều 50. Thẩm quyền quyết định ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn</p> <p>Điều 62. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 69. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 71. Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 78. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong xây dựng và tổ chức thi hành văn</p>	<p><i>ban Thường vụ Quốc hội; văn bản quy phạm pháp luật dưới luật của các cơ quan Trung ương; văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương) và các nguồn bổ trợ (án lệ, tập quán, lễ công bằng).</i></p> <p><i>Mở rộng phạm vi áp dụng và xác định rõ giá trị pháp lý của các nguồn bổ trợ, theo hướng án lệ, tập quán, lễ công bằng được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội chưa được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoặc chưa được quy định rõ ràng trong một số trường hợp cụ thể. Bổ sung nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề theo hướng ưu tiên áp dụng quy phạm pháp luật chuyên ngành so với quy phạm pháp luật chung.</i></p> <p><i>- Đơn giản hoá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo hướng mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ ban hành một hình thức văn bản quy phạm pháp luật với lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Các văn bản quy phạm pháp luật phải quy định rõ mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, hiệu lực áp dụng, quy định chuyển tiếp..., nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn xây dựng và thi hành pháp luật. Hạn chế việc ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Không ban hành một văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác khi các văn bản đó không có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung hoặc không cùng điều chỉnh một nhóm lĩnh vực.</i></p> <p><i>- Xác định rõ quy phạm pháp luật công và quy phạm pháp luật tư trong xây dựng pháp luật. Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau hoặc giữa cơ quan nhà nước với cá nhân, tổ chức (quy phạm pháp luật công) được thiết kế cụ thể, chặt chẽ, minh bạch, bảo đảm thực hiện tốt chức</i></p>	<p>của Đảng</p>	<p>phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng.</p>
--	--	-----------------	--

<p>bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 77. Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>năng trao thẩm quyền đủ mạnh cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước, đồng thời kiểm soát hiệu quả, phòng ngừa nguy cơ lạm dụng, lợi dụng quyền lực.</i></p> <p><i>- Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Đẩy mạnh truyền thông chính sách, pháp luật; chăm lo xây dựng đội ngũ người làm công tác tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật; tăng cường tính chuyên nghiệp trong công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng cơ chế đánh giá văn bản quy phạm pháp luật sau ban hành; đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.</i></p> <p><i>- Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội trong hoạt động lập pháp theo hướng tăng hợp lý số kỳ họp của Quốc hội, nhất là thông qua hình thức trực tuyến, gắn với phát huy vai trò của đại biểu Quốc hội chuyên trách, các đoàn đại biểu Quốc hội. Trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nghiên cứu cơ chế cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ được ban hành văn bản điều chỉnh quy định của luật trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</i></p> <p><i>- ... tuyệt đối không để cài cắm lợi ích, tác động tiêu cực đến cấu trúc hệ thống pháp luật...</i></p>		
<p>11. Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.</p>			

<p>Điều 77. Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p><i>Không đưa nội dung về công tác cán bộ, chế độ, chính sách vào văn bản quy định về chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, đúng thể thức, kỹ thuật trình bày.</i></p>	<p>Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng.</p>
---	--	--	---

II. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật	<p>1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 2: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. - Khoản 1 Điều 8: Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. - Khoản 1 Điều 119: Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý. 	Quy định Điều 5 dự thảo Luật bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với nguyên tắc tối cao của Hiến pháp	Kế thừa các quy định còn phù hợp; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật để thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
<p>Điều 6. Phản biện xã hội, tham vấn, góp ý đối với chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 29. Lấy ý kiến, tham vấn chính sách</p> <p>Điều 32. Soạn thảo luật, pháp lệnh</p>	<p>1. Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 3. Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 5. Thực hiện giám sát và phản biện xã hội. - Điều 25. Tính chất, mục đích và nguyên tắc giám sát 1. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc thống nhất với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của 	Bảo đảm thống nhất với Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các văn bản pháp luật quan trọng.	Kế thừa và quy định cụ thể tại các Điều 6, 28 và 31 của dự thảo Luật về trách nhiệm của cơ quan soạn thảo trong việc lấy ý kiến phản biện xã hội, tổ chức hội nghị tham vấn và giải trình ý kiến đầy đủ.

	<p><i>cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.</i></p> <p><i>2. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mang tính xã hội; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.</i></p> <p><i>3. Hoạt động giám sát được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm phát huy dân chủ, sự tham gia của Nhân dân, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện công khai, minh bạch, không chồng chéo; không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.</i></p> <p><i>- Điều 26. Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát</i></p> <p><i>1. Đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan nhà nước, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức.</i></p> <p><i>2. Nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</i></p> <p><i>3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</i></p> <p><i>Sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật, các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có liên quan trực tiếp đến quyền</i></p>		
--	---	--	--

và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

Các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

- Điều 27. Hình thức giám sát

1. Nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

2. Tổ chức đoàn giám sát.

3. Thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

4. Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch quy định chi tiết Điều này.

- Điều 28. Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hoạt động giám sát

1. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát; quyết định thành lập đoàn giám sát và tổ chức hoạt động giám sát theo kế hoạch hoặc khi cần thiết.

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

	<p>3. Xem xét khách quan, khoa học những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.</p> <p>4. Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị sau giám sát khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.</p> <p>5. Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Ban hành hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ban hành văn bản về kết quả giám sát; chịu trách nhiệm về những nội dung kiến nghị sau giám sát.</p> <p>7. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.</p> <p>8. Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người có thành tích trong hoạt động giám sát.</p> <p>- Điều 29. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát</p> <p>1. Được thông báo trước về nội dung, kế hoạch giám sát.</p> <p>2. Báo cáo bằng văn bản theo nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; báo cáo bổ sung, làm rõ những vấn đề liên quan.</p> <p>3. Trình bày ý kiến về các nội dung liên quan thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p>		
--	--	--	--

	<p>4. Đề nghị xem xét lại kiến nghị sau giám sát, đối thoại để làm rõ nội dung các kiến nghị đó khi cần thiết.</p> <p>5. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát.</p> <p>6. Xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>7. Thực hiện kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành liên quan đến những nội dung kiến nghị giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>- Điều 30. Trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan</p> <p>1. Định kỳ 6 tháng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo kết quả giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xem xét kiến nghị và đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho hoạt động giám sát theo yêu cầu; cử người tham gia giám sát về những nội dung có liên quan; tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát; xem xét, giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 22. Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội</p> <p>Điều 23. Chương trình</p>	<p>Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2025/QH15)</p> <p>Điều 49. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh</p> <p>1. Ủy ban thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của</p>	<p>Bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất</p>	<p>Kế thừa và chuẩn hóa trình tự lập Định hướng lập pháp nhiệm kỳ và Chương trình hằng năm, tăng cường vai trò chủ trì điều phối của Ủy ban</p>

<p>lập pháp hằng năm của Quốc hội</p> <p>Điều 24. Thông qua Chương trình lập pháp hằng năm</p> <p>Điều 25. Điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm</p>	<p><i>Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc kiến nghị của đại biểu Quốc hội quyết định việc giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.</i></p> <p><i>2. Tùy theo tính chất, nội dung của vấn đề cần được giải thích, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xây dựng dự thảo nghị quyết giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.</i></p> <p><i>3. Dự thảo nghị quyết giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh phải được Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh với tinh thần và nội dung quy định được giải thích của Hiến pháp, luật, pháp lệnh.</i></p> <p>Điều 50. Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</p> <p><i>1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, điều chỉnh chương trình giám sát của Quốc hội trong thời gian Quốc hội không họp và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</i></p> <p><i>2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.</i></p>		<p>Thường vụ Quốc hội.</p>
--	---	--	----------------------------

<p>Điều 26. Các trường hợp thực hiện quy trình xây dựng chính sách</p> <p>Điều 27. Xác định, xây dựng chính sách</p> <p>Điều 28 Đánh giá tác động của chính sách</p> <p>Điều 29. Lấy ý kiến, tham vấn chính sách</p> <p>Điều 30. Thẩm định chính sách của luật, pháp lệnh do Chính phủ trình</p> <p>Điều 31. Thông qua chính sách</p>	<p>1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15</p> <p>Điều 2</p> <p><i>1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.</i></p> <p><i>2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.</i></p> <p><i>3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.</i></p> <p>Điều 8</p> <p><i>1. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.</i></p> <p><i>2. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền.</i></p> <p>Điều 14</p> <p><i>1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.</i></p>	<p>Quy định quy trình xây dựng chính sách, đánh giá tác động trước khi soạn thảo bảo đảm tính hợp pháp và tính thống nhất</p>	<p>Kế thừa quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo; luật hóa quy trình đối với các trường hợp đặc thù, đồng thời đưa nội dung đánh giá tác động phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vào Điều 27 dự thảo Luật.</p>
---	---	---	--

2. *Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.*

2. Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15

Điều 6. Nguyên tắc phân định thẩm quyền

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được xác định trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền như sau:

1. *Chính phủ có trách nhiệm trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định các nội dung theo quy định của Hiến pháp và những vấn đề cơ bản, quan trọng thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội;*

2. *Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Luật này, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và các luật khác có liên quan;*

3. *Chính phủ hướng dẫn chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; chính quyền địa phương chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền;*

4. *Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực; thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách thành viên Chính phủ và với tư cách người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

5. *Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ; lãnh*

	<p><i>đạo công tác của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao, không quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đối với ngành, lĩnh vực theo phân công của Chính phủ. Trường hợp cần thiết, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hành việc giải quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương;</i></p> <p><i>6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền quy định tại Luật này, quy định về phân quyền tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác có liên quan;</i></p> <p><i>7. Việc phân quyền, phân cấp phải bảo đảm rõ chủ thể, nội dung, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực theo quy định của Hiến pháp và pháp luật;</i></p> <p><i>8. Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ, cơ quan ngang Bộ tại các văn bản quy phạm pháp luật khác phải phù hợp với quy định tại Luật này, bảo đảm quyền lực nhà nước được kiểm soát hiệu quả;</i></p> <p><i>9. Khuyến khích cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương chủ động đề xuất việc phân quyền, phân cấp gắn với cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện phân quyền, phân cấp hiệu quả nhằm phát huy tính linh hoạt, sáng tạo, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.</i></p> <p><i>- Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ</i></p> <p><i>4. Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo, chỉ đạo việc</i></p>		
--	---	--	--

xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Chính phủ, quyết định chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các thành viên Chính phủ; quyết định các vấn đề khi còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;

d) Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định của pháp luật và chương trình, kế hoạch, chiến lược của Chính phủ trên lĩnh vực quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

đ) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong phạm vi toàn quốc;

e) Trường hợp thật cần thiết vì lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cấp bách khác quy định của pháp luật hiện hành, báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất;

<p>Điều 32. Soạn thảo luật, pháp lệnh</p> <p>Điều 36. Thẩm tra dự án</p> <p>Điều 37. Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án luật</p> <p>Điều 38. Xem xét, thông qua dự thảo luật, pháp lệnh</p> <p>Điều 39. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo luật</p> <p>Điều 40. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo luật tại kỳ họp tiếp theo</p> <p>Điều 41. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo pháp lệnh</p>	<p>Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15</p> <p>Điều 74</p> <p><i>Ủy ban Thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>1. Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì kỳ họp Quốc hội;</i> <i>2. Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;</i> <i>3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;</i> <i>4. Đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;</i> <i>5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của đại biểu Quốc hội;</i> <i>6. Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ</i> 	<p>Quy định rõ ràng quy trình thẩm tra, trình tự thảo luận tại Quốc hội, giải trình, chỉnh lý và thông qua, bảo đảm tính thống nhất với quy chế làm việc của Quốc hội và Luật Tổ chức Quốc hội.</p>	<p>Kế thừa các quy định còn phù hợp; chuẩn hóa và tăng cường chất lượng báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội tại Điều 35; làm rõ cơ chế phối hợp giải trình, tiếp thu giữa cơ quan trình và cơ quan thẩm tra tại các Điều 38, 39.</p>
---	---	---	---

nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước;

7. Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân;

8. Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

9. Quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh trong trường hợp Quốc hội không thể họp được và báo cáo Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;

10. Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

11. Thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội;

12. Phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

13. Tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội.

Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2025/QH15)

Điều 48. Xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trì xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

	<p><i>sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định và điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội; cho ý kiến về dự án luật, dự thảo nghị quyết, về việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội trước khi trình Quốc hội và chủ trì tổ chức việc trình Quốc hội xem xét, thông qua luật, nghị quyết.</i></p> <p><i>2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; ban hành nghị quyết để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.</i></p> <p><i>Trình tự, thủ tục xây dựng, xem xét, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</i></p>		
Điều 42. Công bố luật, pháp lệnh	<p>Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15</p> <p>Điều 74</p> <p><i>Ủy ban thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</i></p> <p><i>2. Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;</i></p> <p><i>4. Đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</i></p>	Quy định về thời hạn công bố luật, pháp lệnh của Chủ tịch nước tại Điều 41 hoàn toàn thống nhất với các thẩm quyền hiến định.	Kế thừa quy định hiện hành về thời hạn công bố luật, pháp lệnh; làm rõ cơ chế phối hợp gửi văn bản giữa Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn phòng Chủ tịch nước

	<p>Điều 85</p> <p><i>1. Luật, nghị quyết của Quốc hội phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành; trường hợp làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp, quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, bãi nhiệm đại biểu Quốc hội phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.</i></p> <p><i>Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội phải được quá nửa tổng số thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành.</i></p> <p><i>2. Luật, pháp lệnh phải được công bố chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày được thông qua, trừ trường hợp Chủ tịch nước đề nghị xem xét lại pháp lệnh.</i></p> <p>Điều 88</p> <p><i>Chủ tịch nước có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</i></p> <p><i>1. Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;</i></p>		
<p>Điều 43. Xây dựng, ban hành lệnh của Chủ tịch nước</p> <p>Điều 44. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính</p>	<p>Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15</p> <p>Điều 99</p> <p><i>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chịu trách nhiệm quản</i></p>	<p>Bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất.</p>	<p>Kế thừa và chuẩn hóa trình tự, thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, thông qua đối với từng hình thức văn bản của các cơ quan trung ương, bảo đảm tính minh bạch và chặt chẽ.</p>

phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương

Điều 45. Xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Điều 46. Xây dựng, ban hành thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Điều 47. Xây dựng, ban hành thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước

Điều 48. Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch

lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15

- Điều 6. Nguyên tắc phân định thẩm quyền

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được xác định trên cơ sở nguyên tắc phân định thẩm quyền như sau:

1. Chính phủ có trách nhiệm trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định các nội dung theo quy định của Hiến pháp và những vấn đề cơ bản, quan trọng thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội;

2. Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của Luật này, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và các luật khác có liên quan;

3. Chính phủ hướng dẫn chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; chính quyền địa phương chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền;

4. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực; thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách thành viên Chính phủ và với tư cách người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ;

5. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ; lãnh đạo công tác của Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Quốc

hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao, không quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đối với ngành, lĩnh vực theo phân công của Chính phủ. Trường hợp cần thiết, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hành việc giải quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương;

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền quy định tại Luật này, quy định về phân quyền tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác có liên quan;

7. Việc phân quyền, phân cấp phải bảo đảm rõ chủ thể, nội dung, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực theo quy định của Hiến pháp và pháp luật;

8. Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ, cơ quan ngang Bộ tại các văn bản quy phạm pháp luật khác phải phù hợp với quy định tại Luật này, bảo đảm quyền lực nhà nước được kiểm soát hiệu quả;

9. Khuyến khích cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương chủ động đề xuất việc phân quyền, phân cấp gắn với cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện phân quyền, phân cấp hiệu quả nhằm phát huy tính linh hoạt, sáng tạo, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

4. Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh,

quyết định của Chủ tịch nước:

a) Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật;

b) Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ;

c) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án, công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Tổng hợp đánh giá tình hình thi hành Hiến pháp, pháp luật và báo cáo với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật;

- Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

4. Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Chính phủ, quyết

	<p><i>định chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;</i></p> <p><i>b) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;</i></p> <p><i>c) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các thành viên Chính phủ; quyết định các vấn đề khi còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;</i></p> <p><i>d) Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định của pháp luật và chương trình, kế hoạch, chiến lược của Chính phủ trên lĩnh vực quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông; đối ngoại và hội nhập quốc tế, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;</i></p> <p><i>đ) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong phạm vi toàn quốc;</i></p> <p><i>e) Trường hợp thật cần thiết vì lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cấp bách khác quy định của pháp luật hiện hành, báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất;</i></p> <p><i>- Điều 16. Vị trí, chức năng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ</i></p> <p><i>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, lãnh đạo công tác của Bộ, cơ quan ngang Bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và</i></p>		
--	--	--	--

	<i>theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.</i>		
Chương VI. Xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt	<p>1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15</p> <p>Điều 74</p> <p><i>Ủy ban thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>1. Tổ chức việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì kỳ họp Quốc hội;</i> <i>2. Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;</i> <i>3. Giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;</i> <i>4. Đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;</i> <i>5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của đại biểu Quốc hội;</i> 	Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất	Quy định rõ ràng, chi tiết các trường hợp khẩn cấp, cấp bách được áp dụng trình tự rút gọn tại Điều 48; đặc biệt luật hóa cơ chế ban hành văn bản trong 'trường hợp đặc biệt' dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị tại Điều 50.

6. Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước;

7. Giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; giải tán Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân;

8. Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

9. Quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh trong trường hợp Quốc hội không thể họp được và báo cáo Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;

10. Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

11. Thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội;

12. Phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

13. Tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội.

2. Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15

- Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

4. Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo, chỉ đạo việc

	<p><i>xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:</i></p> <p><i>a) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Chính phủ, quyết định chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;</i></p> <p><i>b) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;</i></p> <p><i>c) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các thành viên Chính phủ; quyết định các vấn đề khi còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;</i></p> <p><i>d) Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định của pháp luật và chương trình, kế hoạch, chiến lược của Chính phủ trên lĩnh vực quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;</i></p> <p><i>đ) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong phạm vi toàn quốc;</i></p> <p><i>e) Trường hợp thật cần thiết vì lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cấp bách khác quy định của pháp luật hiện hành, báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất</i></p>		
--	--	--	--

<p>Điều 62. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15)</p> <p>Điều 6. Điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước</p> <p><i>1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.</i></p> <p><i>2. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó.</i></p> <p>Điều 14. Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc ký điều ước quốc tế</p> <p><i>1. Trước khi quyết định ký điều ước quốc tế có quy định khác hoặc chưa được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Luật này trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến. Quy định này không áp dụng trong trường hợp điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.</i></p>	<p>Bảo đảm tính hợp hiến, tính tương thích với điều ước quốc tế</p> <p>Quy định tại Điều 56 dự thảo Luật hoàn toàn thống nhất với nguyên tắc tại Điều 6 Luật Điều ước quốc tế, tôn trọng cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết.</p>	<p>Kế thừa nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế; làm rõ thứ tự áp dụng văn bản trong nước và điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật.</p>
--	---	--	--

	<p>Điều 53. Áp dụng tạm thời điều ước quốc tế</p> <p>1. Điều ước quốc tế hoặc một phần của điều ước quốc tế có thể được áp dụng tạm thời trong thời gian hoàn thành thủ tục để điều ước quốc tế có hiệu lực theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.</p> <p>2. Việc áp dụng tạm thời điều ước quốc tế chấm dứt nếu bên Việt Nam thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc bên ký kết nước ngoài thông báo cho bên Việt Nam về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế đó, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác hoặc bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài có thỏa thuận khác.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế có quyền quyết định áp dụng tạm thời và chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế đó.</p> <p>4. Hồ sơ trình về việc chấm dứt áp dụng tạm thời điều ước quốc tế tương tự hồ sơ quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Luật này.</p>		
Điều 65. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh	<p>Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2025/QH15)</p> <p><i>Điều 49. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh</i></p> <p>1. Ủy ban thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc kiến nghị của đại biểu Quốc hội quyết định việc giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.</p>	Quy trình giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh quy định tại Điều 59 dự thảo Luật thống nhất với nhiệm vụ hiến định của UBTVQH.	Luật hóa và cụ thể hóa trình tự xây dựng, thẩm tra và thông qua văn bản giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh tại Điều 59 của dự thảo Luật đề tạo cơ sở pháp lý minh bạch.

	<p>2. <i>Tùy theo tính chất, nội dung của vấn đề cần được giải thích, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xây dựng dự thảo nghị quyết giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.</i></p> <p>3. <i>Dự thảo nghị quyết giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh phải được Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh với tinh thần và nội dung quy định được giải thích của Hiến pháp, luật, pháp lệnh.</i></p>		
Chương VIII. Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật	<p>1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15</p> <p>Điều 2</p> <p><i>1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.</i></p> <p>Điều 74</p> <p><i>Ủy ban thường vụ Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</i></p> <p><i>2. Ra pháp lệnh về những vấn đề được Quốc hội giao; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh;</i></p> <p>Điều 96</p> <p><i>Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</i></p> <p><i>1. Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.</i></p> <p>Điều 99</p>	<p>Quy định rõ ràng, gắn kết giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật, phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và địa phương.</p>	<p>Kế thừa và quy định cụ thể tại các Điều 57, 58, 60 và 61 của dự thảo Luật về nội dung, trách nhiệm tổ chức thi hành, cơ chế theo dõi, phản ứng chính sách.</p>

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

2. Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

4. Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước:

a) Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật;

b) Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ;

c) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ

tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án, công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Tổng hợp đánh giá tình hình thi hành Hiến pháp, pháp luật và báo cáo với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật;

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

4. Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Chính phủ, quyết định chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các thành viên Chính phủ; quyết định các vấn đề khi còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;

d) Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định của pháp luật và chương trình, kế hoạch, chiến lược của Chính phủ trên lĩnh vực quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

đ) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong phạm vi toàn quốc;

e) Trường hợp thật cần thiết vì lợi ích quốc gia, phòng, chống

thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cấp bách khác quy định của pháp luật hiện hành, báo cáo cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội trong thời gian gần nhất

- Điều 16. Vị trí, chức năng của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, lãnh đạo công tác của Bộ, cơ quan ngang Bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15

- Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Hội đồng nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

2. Tổ chức chính quyền địa phương tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ

	<p><i>chế kiểm soát quyền lực.</i></p> <p><i>3. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; xây dựng chính quyền địa phương gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân; thực hiện đầy đủ cơ chế phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.</i></p> <p><i>4. Bảo đảm nền hành chính minh bạch, thống nhất, thông suốt, liên tục.</i></p> <p><i>5. Những công việc thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương phải do chính quyền địa phương quyết định và tổ chức thực hiện; phát huy vai trò tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.</i></p> <p><i>6. Phân định rõ thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương; giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã.</i></p> <p><i>- Điều 6. Ủy ban nhân dân</i></p> <p><i>1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.</i></p> <p><i>- Điều 11. Phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương</i></p> <p><i>1. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và cơ quan nhà nước ở địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương theo hình thức</i></p>		
--	---	--	--

phân quyền, phân cấp.

2. Việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Xác định rõ nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương được quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả;

b) Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước ở trung ương cho chính quyền địa phương; phân định rõ giữa thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương;

c) Phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp trên được bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó;

d) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra và kịp thời điều chỉnh nội dung phân quyền, phân cấp khi cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân quyền, phân cấp thực hiện không hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

đ) Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật;

e) Đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

g) Những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp tỉnh, những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở trung ương, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.

Căn cứ tình hình thực tiễn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương giao cho chính quyền địa phương của một trong các đơn vị hành chính cấp tỉnh có liên quan chủ trì giải quyết những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; chính quyền địa phương cấp tỉnh giao cho chính quyền địa phương của một trong các đơn vị hành chính cấp xã có liên quan chủ trì giải quyết những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên bảo đảm phát huy hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

3. Việc phân quyền, phân cấp, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, các cơ quan của chính quyền địa phương tại các văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với quy định tại Luật này, bảo đảm quyền lực nhà nước được kiểm soát hiệu quả. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc giải quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, không để việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp bị đình trệ, ùn tắc, kém hiệu quả.

	<p>- Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p><i>2. Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia; bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và các nguồn lực cần thiết khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.</i></p> <p>- Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã</p> <p><i>2. Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp trên địa bàn; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và các nguồn lực cần thiết khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn.</i></p> <p>4. Luật Phổ biến giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13: Toàn bộ các quy định.</p>		
<p>Điều 68. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 69. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>1. Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15</p> <p>- Điều 3. Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</p> <p><i>5. Thực hiện giám sát và phản biện xã hội.</i></p> <p>- Điều 25. Tính chất, mục đích và nguyên tắc giám sát</p> <p><i>1. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc thống nhất với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.</i></p> <p><i>2. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mang tính xã hội;</i></p>	<p>Thống nhất với pháp luật về giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp đối với văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Quy định chi tiết thẩm quyền tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền tại Điều 62; cơ chế rà soát thường xuyên, hệ thống hóa định kỳ tại Điều 63.</p>

đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

3. Hoạt động giám sát được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm phát huy dân chủ, sự tham gia của Nhân dân, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện công khai, minh bạch, không chồng chéo; không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

- Điều 26. Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát

1. Đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan nhà nước, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức.

2. Nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật, các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

Các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

- Điều 27. Hình thức giám sát

1. Nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

2. Tổ chức đoàn giám sát.

3. Thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

4. Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch quy định chi tiết Điều này.

- Điều 28. Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hoạt động giám sát

1. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát; quyết định thành lập đoàn giám sát và tổ chức hoạt động giám sát theo kế hoạch hoặc khi cần thiết.

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

3. Xem xét khách quan, khoa học những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

4. Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị sau giám sát

	<p><i>khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.</i></p> <p><i>5. Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>6. Ban hành hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ban hành văn bản về kết quả giám sát; chịu trách nhiệm về những nội dung kiến nghị sau giám sát.</i></p> <p><i>7. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>8. Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người có thành tích trong hoạt động giám sát.</i></p> <p><i>- Điều 29. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát</i></p> <p><i>1. Được thông báo trước về nội dung, kế hoạch giám sát.</i></p> <p><i>2. Báo cáo bằng văn bản theo nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; báo cáo bổ sung, làm rõ những vấn đề liên quan.</i></p> <p><i>3. Trình bày ý kiến về các nội dung liên quan thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i></p> <p><i>4. Đề nghị xem xét lại kiến nghị sau giám sát, đối thoại để làm rõ nội dung các kiến nghị đó khi cần thiết.</i></p> <p><i>5. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám</i></p>		
--	--	--	--

sát.

6. Xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7. Thực hiện kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành liên quan đến những nội dung kiến nghị giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Điều 30. Trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Định kỳ 6 tháng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo kết quả giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xem xét kiến nghị và đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho hoạt động giám sát theo yêu cầu; cử người tham gia giám sát về những nội dung có liên quan; tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát; xem xét, giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15

Điều 2

6. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật là việc chủ thể giám sát quy định tại Luật này thực hiện giám sát về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật; tính kịp thời, đầy đủ và việc tuân thủ về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành văn

	<p><i>bản quy phạm pháp luật.</i></p> <p>- Điều 16. Thẩm quyền giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</p> <p><i>2. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</i></p> <p>- Điều 19. Thẩm quyền giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội</p> <p><i>2. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.</i></p> <p>- Điều 20. Hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội</p> <p><i>1. Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thực hiện các hoạt động giám sát sau đây:</i></p> <p><i>b) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;</i></p> <p>- Điều 25. Thẩm quyền và hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội</p> <p><i>1. Đại biểu Quốc hội có thẩm quyền và thực hiện các hoạt động giám sát sau đây:</i></p> <p><i>b) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật;</i></p> <p>- Điều 27. Thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân</p> <p><i>1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ</i></p>		
--	--	--	--

chức cấp chính quyền địa phương; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan khác ở địa phương trong việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 11, 12 và 14 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương.

Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở cấp xã trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan khác ở địa phương trong việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Điều 30. Thẩm quyền giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan khác ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã trong việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 11, 12 và 14 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương; giúp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện giám sát khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao.

Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở cấp xã trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan khác ở địa phương trong việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; giúp Hội đồng nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện giám sát khi được Hội đồng nhân dân cấp xã giao.

- Điều 33. Thẩm quyền giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan khác ở địa phương trong việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 11, 12 và 14 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương; giúp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội

đồng nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện giám sát khi được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao.

Trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở cấp xã trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan khác ở địa phương trong việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; giúp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện giám sát khi được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã giao.

- Điều 34. Hoạt động giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân

2. Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này và các hoạt động giám sát sau đây:

a) Thẩm tra báo cáo công tác của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban của Hội đồng nhân dân hoặc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

	<p><i>b) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 11, 12 và 14 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương.</i></p> <p><i>3. Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này và các hoạt động giám sát sau đây:</i></p> <p><i>a) Thẩm tra báo cáo công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban của Hội đồng nhân dân hoặc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã;</i></p> <p><i>b) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</i></p> <p><i>- Điều 36. Thẩm quyền và hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân</i></p> <p><i>1. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và thực hiện các hoạt động giám sát sau đây:</i></p> <p><i>a) Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;</i></p> <p><i>b) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 11, 12 và 14 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban</i></p>		
--	--	--	--

nhân dân đặc khu nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương;

c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương;

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương;

đ) Tham gia hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội địa phương khi có yêu cầu, đề nghị.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có thẩm quyền và thực hiện các hoạt động giám sát sau đây:

a) Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 15 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương;

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương;

đ) Tham gia hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã khi có yêu cầu, đề nghị.

<p>Điều 70. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 71. Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 79. Hiệu lực thi hành</p>	<p>1. Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật số 01/2012/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16)</p> <p>Toàn bộ các quy định về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>2. Pháp lệnh Pháp điển hệ thống văn bản quy phạm pháp luật số 03/2012/UBTVQH13</p> <p>Toàn bộ các quy định về pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.</p>	<p>Việc tích hợp toàn diện nội dung của 02 Pháp lệnh hiện hành vào dự thảo Luật giúp nâng cao hiệu lực pháp lý và tinh gọn hệ thống.</p>	<p>Luật hóa quy định hợp nhất văn bản tại Điều 64 và pháp điển tại Điều 65; đồng thời quy định chấm dứt hiệu lực của hai Pháp lệnh này tại Khoản 4 Điều 73 khi Luật này có hiệu lực thi hành.</p>
<p>Điều 77. Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>1. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11</p> <p>- Mục 2: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</p> <p>- Điều 24: Nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước</p> <p><i>1. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải được ưu tiên, bảo đảm tính công khai, minh bạch nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước; tạo điều kiện để nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.</i></p> <p><i>2. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải thúc đẩy chương trình đổi mới hoạt động của cơ quan nhà nước và chương trình cải cách hành chính.</i></p> <p><i>3. Việc cung cấp, trao đổi thông tin phải bảo đảm chính xác và phù hợp với mục đích sử dụng.</i></p> <p><i>4. Quy trình, thủ tục hoạt động phải công khai, minh bạch.</i></p> <p><i>5. Sử dụng thống nhất tiêu chuẩn, bảo đảm tính tương thích về</i></p>	<p>Quy định tại Điều 68 phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ số và tính bảo mật của Luật An ninh mạng.</p>	<p>Quy định rõ tại Điều 68 về trách nhiệm ứng dụng công nghệ số, nền tảng dùng chung và ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác pháp luật, đồng thời bảo vệ nghiêm ngặt an toàn thông tin.</p>

công nghệ trong toàn bộ hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

6. Bảo đảm an ninh, an toàn, tiết kiệm và có hiệu quả.

7. Người đứng đầu cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm về việc ứng dụng công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

- Điều 25.Điều kiện để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan mình.

2. Chính phủ quy định cụ thể các điều kiện bảo đảm cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước với các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Lộ trình thực hiện các hoạt động trên môi trường mạng của các cơ quan nhà nước;

b) Các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội cần ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Việc chia sẻ, sử dụng chung thông tin số;

d) Lĩnh vực được ưu tiên, khuyến khích nghiên cứu - phát triển, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trong từng giai

	<p><i>đoạn;</i></p> <p><i>đ) Nguồn tài chính bảo đảm cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;</i></p> <p><i>e) Các chương trình, đề án, dự án trọng điểm về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</i></p> <p><i>- Điều 26. Nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước</i></p> <p><i>1 Xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước và hoạt động trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.</i></p> <p><i>2. Xây dựng, thu thập và duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động của cơ quan và phục vụ lợi ích công cộng.</i></p> <p><i>3.Xây dựng các biểu mẫu phục vụ cho việc trao đổi, cung cấp thông tin và lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.</i></p> <p><i>4.Thiết lập trang thông tin điện tử phù hợp với quy định tại Điều 23 và Điều 28 của Luật này.</i></p> <p><i>5.Cung cấp, chia sẻ thông tin với cơ quan khác của Nhà nước.</i></p> <p><i>6.Thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trên môi trường mạng.</i></p> <p><i>7. Xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức.</i></p> <p><i>8. Thực hiện hoạt động trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 27 của Luật này.</i></p>		
--	---	--	--

- Điều 27. Hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

1. Hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng bao gồm:

- a) Cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với tổ chức, cá nhân;*
- b) Chia sẻ thông tin trong nội bộ và với cơ quan khác của Nhà nước;*
- c) Cung cấp các dịch vụ công;*
- d) Các hoạt động khác theo quy định của Chính phủ.*

2. Thời điểm và địa điểm gửi, nhận thông tin trên môi trường mạng thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Điều 28. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

1. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy nhập thuận tiện;*
- b) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân truy nhập và sử dụng các biểu mẫu trên trang thông tin điện tử (nếu có);*
- c) Bảo đảm tính chính xác và sự thống nhất về nội dung của thông tin trên trang thông tin điện tử;*
- d) Cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin trên trang thông tin điện tử;*

đ) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải có những

	<p><i>thông tin chủ yếu sau đây:</i></p> <p><i>a) Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc;</i></p> <p><i>b) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan;</i></p> <p><i>c) Quy trình, thủ tục hành chính được thực hiện bởi các đơn vị trực thuộc, tên của người chịu trách nhiệm trong từng khâu thực hiện quy trình, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính;</i></p> <p><i>d) Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch chuyên ngành;</i></p> <p><i>đ) Danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền;</i></p> <p><i>e) Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công;</i></p> <p><i>g) Danh mục các hoạt động trên môi trường mạng đang được cơ quan đó thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này;</i></p> <p><i>h) Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân.</i></p> <p><i>3. Cơ quan nhà nước cung cấp miễn phí thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.</i></p> <p>2. Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15</p> <p>- Điều 25. Phát triển hệ thống số dùng chung quốc gia</p>		
--	---	--	--

1. Nhà nước ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước để đầu tư, phát triển các hệ thống số dùng chung quốc gia.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp tham gia phát triển, vận hành hệ thống số theo phương thức đối tác công tư trên cơ sở tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật.

- Điều 26. Nền tảng số dùng chung của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị

1. Cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; công bố, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật về nền tảng số dùng chung; đo lường và giám sát trực tuyến hoạt động vận hành, khai thác nền tảng số dùng chung.

2. Các cơ quan trong hệ thống chính trị có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành các nền tảng số dùng chung thuộc thẩm quyền quản lý phục vụ hoạt động nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, tránh trùng lặp, bảo đảm hiệu quả, theo hướng mở, linh hoạt; mở và công bố công khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép doanh nghiệp cùng tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số.

- Điều 31. Hoạt động của Chính phủ số

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện cung cấp dịch vụ công, công tác quản trị nội bộ, chỉ đạo, điều hành, giám sát, kiểm tra thực hiện toàn trình trên môi trường số, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; có phương án xử lý trong tình huống khẩn cấp hoặc xảy ra sự cố làm gián đoạn hoạt động trên môi trường số và phương án ứng phó, khắc phục sự cố, duy trì hoạt động bình thường.

2. Hoạt động chỉ đạo, điều hành, ra quyết định được thực hiện dựa trên dữ liệu số đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Quy trình nghiệp vụ phải được rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc và đơn giản hóa trước khi thực hiện số hóa; bảo đảm tinh gọn, không trùng lặp, tăng cường tự động hóa và không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu số hợp lệ đã được cung cấp.

4. Tuân thủ nguyên tắc chuyển đổi số quy định tại Điều 6 của Luật này.

3. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15

- Điều 3. Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng

1. Xây dựng không gian mạng lành mạnh, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Ưu tiên bảo vệ an ninh mạng trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại.

3. Ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng, phát triển lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ bảo vệ an ninh mạng; nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng và tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng; ưu tiên đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ hiện đại phục vụ bảo vệ an ninh mạng; có cơ chế đặc thù, chính sách ưu đãi để huy động, thu hút, đào tạo và sử dụng nhân tài trong lĩnh vực an ninh mạng.

4. Đẩy mạnh liên kết, đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong bảo vệ an ninh mạng; khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng, xử lý

các nguy cơ đe dọa an ninh mạng; nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng nhằm bảo vệ an ninh mạng; sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của Việt Nam.

5. Mở rộng hợp tác quốc tế về an ninh mạng để tăng cường khả năng bảo vệ an ninh mạng; phòng, chống tội phạm mạng và các mối đe dọa về an ninh mạng xuyên quốc gia; tiếp thu công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực tự chủ an ninh mạng quốc gia.

- Điều 23. Triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương

1. Nội dung triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng bao gồm:

a) Xây dựng, hoàn thiện quy định, quy chế sử dụng mạng máy tính nội bộ, mạng máy tính có kết nối mạng Internet; phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng;

b) Ứng dụng, triển khai phương án, biện pháp, công nghệ bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin và thông tin, tài liệu được lưu trữ, soạn thảo, truyền đưa trên hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nâng cao năng lực bảo vệ an ninh mạng cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng;

d) Bảo vệ an ninh mạng trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trên không gian mạng, cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với cơ quan, tổ chức, cá nhân, chia sẻ thông tin trong nội bộ và với cơ quan khác hoặc trong hoạt động khác theo quy định của Chính phủ;

	<p>đ) Đầu tư, xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện bảo đảm triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;</p> <p>e) Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng; ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng thuộc quyền quản lý.</p> <p>- Điều 24. Bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế</p> <p>1. Bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu bảo vệ an ninh mạng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích cổng kết nối quốc tế đặt trên lãnh thổ Việt Nam; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Bảo vệ an ninh mạng thuộc quyền quản lý; chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ an ninh mạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>b) Tạo điều kiện, thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ cần thiết để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh mạng khi có đề nghị.</p>		
Điều 75. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi	<p>1. Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24/6/2025</p> <p>Điều 7. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ</p> <p>1. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực</p>	Quy định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu và chính sách bồi dưỡng thu hút	Kế thừa quy định về trách nhiệm công chức; luật hóa cơ chế ưu đãi đặc biệt thu hút nhân tài lập pháp tại Điều 71 và quy trách nhiệm người

<p>hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Điều 76. Nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật</p>	<p><i>hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chủ động nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của công việc; ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong thực thi nhiệm vụ.</i></p> <p><i>Điều 9. Quyền của cán bộ, công chức về bảo đảm điều kiện thi hành công vụ</i></p> <p><i>5. Được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.</i></p>	<p>chuyên gia bảo đảm tính hợp lý và đồng bộ với Luật Cán bộ, công chức.</p>	<p>đứng đầu tại Điều 70.</p>
<p>Điều 74. Trách nhiệm xin ý kiến cấp có thẩm quyền</p> <p>Điều 77. Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>1. Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15</p> <p>- Điều 25. Phát triển hệ thống số dùng chung quốc gia</p> <p><i>1. Nhà nước ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước để đầu tư, phát triển các hệ thống số dùng chung quốc gia.</i></p> <p><i>2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp tham gia phát triển, vận hành hệ thống số theo phương thức đối tác công tư trên cơ sở tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật.</i></p> <p>- Điều 26. Nền tảng số dùng chung của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị</p> <p><i>1. Cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; công bố, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật về nền tảng số dùng chung; đo lường và giám sát trực tuyến hoạt động vận hành, khai thác nền tảng số dùng chung.</i></p> <p><i>2. Các cơ quan trong hệ thống chính trị có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành các nền tảng số dùng chung thuộc thẩm quyền quản lý phục vụ hoạt động nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, tránh trùng lặp, bảo đảm hiệu quả, theo hướng mở, linh hoạt; mở và công bố công khai các tiêu chuẩn, quy</i></p>	<p>Bảo đảm tính thống nhất</p> <p>Bảo mật thông tin lập pháp thuộc bí mật nhà nước là yêu cầu cốt lõi phù hợp với các luật chuyên ngành về an toàn an ninh mạng.</p>	<p>Quy định cụ thể yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước tại Khoản 10 Điều 5 và cơ chế kinh phí đặc thù lập pháp tại Điều 72 của dự thảo Luật.</p>

chuẩn kỹ thuật cho phép doanh nghiệp cùng tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số.

- Điều 31. Hoạt động của Chính phủ số

1. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện cung cấp dịch vụ công, công tác quản trị nội bộ, chỉ đạo, điều hành, giám sát, kiểm tra thực hiện toàn trình trên môi trường số, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; có phương án xử lý trong tình huống khẩn cấp hoặc xảy ra sự cố làm gián đoạn hoạt động trên môi trường số và phương án ứng phó, khắc phục sự cố, duy trì hoạt động bình thường.

2. Hoạt động chỉ đạo, điều hành, ra quyết định được thực hiện dựa trên dữ liệu số đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Quy trình nghiệp vụ phải được rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc và đơn giản hóa trước khi thực hiện số hóa; bảo đảm tinh gọn, không trùng lặp, tăng cường tự động hóa và không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu số hợp lệ đã được cung cấp.

4. Tuân thủ nguyên tắc chuyển đổi số quy định tại Điều 6 của Luật này.

2. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15

- Điều 3. Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng

1. Xây dựng không gian mạng lành mạnh, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Ưu tiên bảo vệ an ninh mạng trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại.

	<p>3. Ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng, phát triển lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ bảo vệ an ninh mạng; nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng và tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng; ưu tiên đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ hiện đại phục vụ bảo vệ an ninh mạng; có cơ chế đặc thù, chính sách ưu đãi để huy động, thu hút, đào tạo và sử dụng nhân tài trong lĩnh vực an ninh mạng.</p> <p>4. Đẩy mạnh liên kết, đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong bảo vệ an ninh mạng; khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng, xử lý các nguy cơ đe dọa an ninh mạng; nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng nhằm bảo vệ an ninh mạng; sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của Việt Nam.</p> <p>5. Mở rộng hợp tác quốc tế về an ninh mạng để tăng cường khả năng bảo vệ an ninh mạng; phòng, chống tội phạm mạng và các mối đe dọa về an ninh mạng xuyên quốc gia; tiếp thu công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực tự chủ an ninh mạng quốc gia.</p> <p>- Điều 23. Triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương</p> <p>1. Nội dung triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng bao gồm:</p> <p>a) Xây dựng, hoàn thiện quy định, quy chế sử dụng mạng máy tính nội bộ, mạng máy tính có kết nối mạng Internet; phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng;</p> <p>b) Ứng dụng, triển khai phương án, biện pháp, công nghệ bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin và thông tin, tài</p>		
--	---	--	--

	<p>liệu được lưu trữ, soạn thảo, truyền đưa trên hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý;</p> <p>c) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nâng cao năng lực bảo vệ an ninh mạng cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng;</p> <p>d) Bảo vệ an ninh mạng trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trên không gian mạng, cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với cơ quan, tổ chức, cá nhân, chia sẻ thông tin trong nội bộ và với cơ quan khác hoặc trong hoạt động khác theo quy định của Chính phủ;</p> <p>đ) Đầu tư, xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện bảo đảm triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;</p> <p>e) Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng; ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng thuộc quyền quản lý.</p> <p>- Điều 24. Bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế</p> <p>1. Bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu bảo vệ an ninh mạng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích cổng kết nối quốc tế đặt trên lãnh thổ Việt Nam; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, cổng kết nối mạng quốc tế có trách nhiệm sau đây:</p>		
--	--	--	--

a) Bảo vệ an ninh mạng thuộc quyền quản lý; chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ an ninh mạng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Tạo điều kiện, thực hiện các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ cần thiết để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh mạng khi có đề nghị.

3. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11

Mục 2: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

- Điều 24: Nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải được ưu tiên, bảo đảm tính công khai, minh bạch nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước; tạo điều kiện để nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.

2. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải thúc đẩy chương trình đổi mới hoạt động của cơ quan nhà nước và chương trình cải cách hành chính.

3. Việc cung cấp, trao đổi thông tin phải bảo đảm chính xác và phù hợp với mục đích sử dụng.

4. Quy trình, thủ tục hoạt động phải công khai, minh bạch.

5. Sử dụng thống nhất tiêu chuẩn, bảo đảm tính tương thích về công nghệ trong toàn bộ hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

	<p>6. <i>Bảo đảm an ninh, an toàn, tiết kiệm và có hiệu quả.</i></p> <p>7. <i>Người đứng đầu cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm về việc ứng dụng công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền quản lý của mình.</i></p> <p>- Điều 25.Điều kiện để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước</p> <p>1. <i>Cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan mình.</i></p> <p>2. <i>Chính phủ quy định cụ thể các điều kiện bảo đảm cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước với các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p>a) <i>Lộ trình thực hiện các hoạt động trên môi trường mạng của các cơ quan nhà nước;</i></p> <p>b) <i>Các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội cần ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin;</i></p> <p>c) <i>Việc chia sẻ, sử dụng chung thông tin số;</i></p> <p>d) <i>Lĩnh vực được ưu tiên, khuyến khích nghiên cứu - phát triển, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trong từng giai đoạn;</i></p> <p>đ) <i>Nguồn tài chính bảo đảm cho ứng dụng công nghệ thông tin</i></p>		
--	--	--	--

	<p><i>trong hoạt động của cơ quan nhà nước;</i></p> <p><i>e) Các chương trình, đề án, dự án trọng điểm về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</i></p> <p>- Điều 26. Nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước</p> <p><i>1 Xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước và hoạt động trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.</i></p> <p><i>2. Xây dựng, thu thập và duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động của cơ quan và phục vụ lợi ích công cộng.</i></p> <p><i>3. Xây dựng các biểu mẫu phục vụ cho việc trao đổi, cung cấp thông tin và lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.</i></p> <p><i>4. Thiết lập trang thông tin điện tử phù hợp với quy định tại Điều 23 và Điều 28 của Luật này.</i></p> <p><i>5. Cung cấp, chia sẻ thông tin với cơ quan khác của Nhà nước.</i></p> <p><i>6. Thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trên môi trường mạng.</i></p> <p><i>7. Xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức.</i></p> <p><i>8. Thực hiện hoạt động trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 27 của Luật này.</i></p> <p>- Điều 27. Hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng</p>		
--	--	--	--

	<p><i>1. Hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a) Cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với tổ chức, cá nhân;</i> <i>b) Chia sẻ thông tin trong nội bộ và với cơ quan khác của Nhà nước;</i> <i>c) Cung cấp các dịch vụ công;</i> <i>d) Các hoạt động khác theo quy định của Chính phủ.</i> <p><i>2. Thời điểm và địa điểm gửi, nhận thông tin trên môi trường mạng thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i></p> <p><i>- Điều 28. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước</i></p> <p><i>1. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy nhập thuận tiện;</i> <i>b) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân truy nhập và sử dụng các biểu mẫu trên trang thông tin điện tử (nếu có);</i> <i>c) Bảo đảm tính chính xác và sự thống nhất về nội dung của thông tin trên trang thông tin điện tử;</i> <i>d) Cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin trên trang thông tin điện tử;</i> <i>đ) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</i> <p><i>2. Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải có những thông tin chủ yếu sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a) Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó</i> 		
--	---	--	--

	<p>và của từng đơn vị trực thuộc;</p> <p>b) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Quy trình, thủ tục hành chính được thực hiện bởi các đơn vị trực thuộc, tên của người chịu trách nhiệm trong từng khâu thực hiện quy trình, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính;</p> <p>d) Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch chuyên ngành;</p> <p>đ) Danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền;</p> <p>e) Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công;</p> <p>g) Danh mục các hoạt động trên môi trường mạng đang được cơ quan đó thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này;</p> <p>h) Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước cung cấp miễn phí thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.</p>		
--	--	--	--

III. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
<p>Điều 31. Soạn thảo luật, pháp lệnh</p> <p>Đăng tải hồ sơ dự án luật, pháp lệnh trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác...</p>	<p>Hiệp định TPP (nay là CPTPP)</p> <p><i>Điều 26.2.4 Hiệp định TPP quy định: “4. Đối với một quy định được đề xuất áp dụng chung của cấp trung ương của chính phủ một Bên liên quan tới các vấn đề thuộc phạm vi Hiệp định này có khả năng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các Bên và được công bố theo quy định tại khoản 2 (a), mỗi Bên cần:</i></p> <p><i>(a) công khai các quy định được đề xuất trên một tạp chí chính thức, hoặc trên một trang web chính thức, tốt nhất là trực tuyến và hợp nhất thành một cổng duy nhất;</i></p> <p><i>(b) cố gắng công khai các quy định được đề xuất:</i></p> <p><i>(i) không ít hơn 60 ngày trước ngày các ý kiến được xác định; hoặc...”</i></p>	<p>Các nội dung dự thảo Luật đã được rà soát, bảo đảm tính thống nhất, tương thích với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>	<p>Dự thảo Luật tiếp tục quy định: trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng có nội dung liên quan đến điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xác định thời hạn lấy ý kiến phù hợp với quy định của điều ước quốc tế đó, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế có liên quan.</p>

<p>Điều 42. Xây dựng, ban hành lệnh của Chủ tịch nước</p> <p>Điều 44. Nghị quyết HĐTP, thông tư Chánh án TANDTC</p> <p>Điều 45. Xây dựng, ban hành thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao</p> <p>Điều 46. Xây dựng, ban hành thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước</p> <p>Điều 47. Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch</p> <p>Quy định yêu cầu đăng tải công khai toàn văn hồ sơ dự thảo trên Cổng Pháp luật quốc gia và cổng thông tin điện tử của cơ quan soạn thảo trong thời</p>	<p>Hiệp định CPTPP (Chương 26 về Minh bạch hóa)</p> <p>Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) - Điều 21 về Minh bạch hóa</p> <p>Yêu cầu các nước thành viên duy trì các thủ tục công khai, minh bạch trong quy trình xây dựng các biện pháp pháp lý áp dụng chung có ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư, thương mại; tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội hợp lý để công chúng và các bên liên quan tiếp cận và đóng góp ý kiến.</p>		
--	--	--	--

gian ít nhất 20 ngày để lấy ý kiến công chúng rộng rãi.			
---	--	--	--